

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày: 27/10/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Văn Triều

- Bà Trần Thị Phiến

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2021 và thông báo mở phiên tòa số 995/TB-TA ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

1/ Chị Phạm Hồng Đ, sinh năm 1988;

2/ Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

***2. Bị đơn:*** Anh Lương Văn Bông, sinh năm 1977;( vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu N và chị Phạm Hồng Đ trình bày:*

Anh N và chị Đ có quen biết với anh B, khi đó anh B có mở xưởng may tên Q Đ. Vào khoảng đầu năm 2020 anh N và chị Đ có nhận may gia công hàng cho anh B, cụ thể như sau:

Ngày 02 tháng 02 năm 2020, nhận may đồ bộ, số lượng 997 bộ với giá 17.000 đồng/bộ; thành tiền là 16.609.000 đồng.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, nhận may khẩu trang gồm:

+ Khẩu trang trắng số lượng 14.974 cái với giá 600đồng/cái; thành tiền 8.984.400 đồng.

+ Khẩu trang xanh số lượng 2.215 cái với giá 750đồng/cái; thành tiền 1.661.250 đồng.

+ Khẩu trang mẫu mới số lượng 6.232 cái với giá 700đồng/cái; thành tiền 4.362.400 đồng.

+ Chạy ráp khẩu trang bán thành phẩm số lượng 1.816 cái với giá 300đồng/cái; thành tiền 544.800 đồng.

Tổng cộng tiền gia công cho ông B là: 32.161.850 đồng.

Ngày 03 tháng 4 năm 2020 ông B trả 5.000.000 đồng.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 ông B trả 5.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 ông B trả 3.000.000 đồng.

Như vậy ông B còn nợ tiền công may là :

32.161.850 đồng – 13.000.000 đồng = 19.161.850 đồng.

Sau nhiều lần yêu cầu trả tiền gia công nhưng anh B không trả nên anh N và chị Đ làm đơn gửi đến Ban nhân dân ấp P xã P yêu cầu giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 07/9/2020 tại Ban nhân dân ấp P, xã P anh B cho rằng do bên nhận hàng chưa thanh

toán tiền nên chưa có tiền trả cho anh N và chị Đ. Anh B hứa sẽ trả cho anh N và chị Đ số tiền 19.161.800 đồng bắt đầu từ ngày 10/10/2020, tuy nhiên sau đó anh B không thực hiện.

Do đó anh N và chị Đ khởi kiện yêu cầu anh B phải trả số tiền công còn nợ là 19.161.800 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Biên bản hòa giải ngày 07/9/2020 tại Ban nhân dân ấp P, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; xác nhận nơi cư trú của đương sự Lương Văn B do Công An xã P xác nhận ngày 09/11/2020.

*Trong quá trình giải quyết vụ án anh B không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B nên đã thực hiện niêm yết thủ tục tố tụng đối với anh B theo quy định của pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, cũng như những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định; nên về tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự là bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu N và chị Phạm Hồng Đ khởi kiện yêu cầu anh Lương Văn B trả số tiền gia công may khâu trang còn nợ là 19.161.850 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phải giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ đối với anh B nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu N và chị Phạm Hồng Đ và anh Lương Văn B cùng làm ngành nghề là gia công may mặc, từ mối quan hệ quen biết mà anh B đã đặt hàng anh N, chị Đ gia công sản phẩm cho anh. Trong buổi hòa giải ngày 07/9/2020 tại Ban nhân dân ấp P, xã P anh B đã thừa nhận có đặt hàng anh N chị Đ gia công và còn nợ tiền gia công là 19.161.850 đồng. Vì vậy, hợp đồng gia công giữa vợ chồng anh N, chị Đ và anh B là có trên thực tế, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các điều 542, 544, 546, 547 của Bộ luật dân sự. Anh N, chị Đ đã thực hiện xong việc ráp hàng và bàn giao cho anh B nhưng anh B chưa thanh toán đủ chi phí gia công cho anh N, chị Đ nên thuộc trường hợp vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận quy định tại khoản 3 Điều 544 của Bộ luật Dân sự. Tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2020 tại Ban nhân dân ấp P, xã P anh B trình bày do bên nhận hàng còn nợ tiền nên không có khả năng thanh toán cho anh N, chị Đ, khi nào bên nhận hàng thanh toán tiền thì anh sẽ trả cho anh N, chị Đ. Tuy nhiên, nghĩa vụ thanh toán tiền gia công là nghĩa vụ của anh B chứ không phải của bên thứ ba, đồng thời trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện anh B không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu N và chị Phạm Hồng Đ về việc yêu cầu anh Lương Văn B trả số tiền gia công may khâu trang còn nợ là 19.161.800 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Quá trình tố tụng, xác minh thu thập được biết, anh B là chủ cơ sở may Q Đ có trụ sở tại nhà cùng ở ấp P, xã P; tại địa chỉ này cũng là nơi cư trú của anh B và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1954. Qua làm việc với bà B1 thì bà có biết việc anh B còn nợ tiền may khẩu trang của anh N và chị Đ nhưng do bên mua hàng chưa trả tiền nên anh B không có tiền để trả cho anh N và chị Đ. Khi Tòa án đến gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập thì bà B1 nhận thay và có báo lại cho anh B nhưng do anh B đi làm đến chiều mới về nhà nên chưa thu xếp thời gian đến Tòa án được, bà B1 hứa sẽ nhắc nhở anh B đến Tòa án tham gia phiên hòa giải. Tuy nhiên sau đó anh B không có mặt theo giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án và cũng không có ý kiến văn bản gửi đến Tòa án để trình bày rõ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó thấy rõ anh B cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ theo quy định tại Điều 552 của Bộ luật dân sự và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả số tiền gia công còn nợ là 19.161.800 đồng, là đúng theo quy định tại các Điều 280 và 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Hội đồng xét xử xét thấy do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy bị đơn phải nộp 479.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 280; Điều 401; Điều 542; Điều 544; Điều 546; Điều 547; Điều 552; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu N và chị Phạm Hồng Đ, buộc anh Lương Văn B trả cho anh N và chị Đ số tiền gia công may khẩu trang, quần áo còn nợ là 19.161.800 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: anh Lương Văn B phải nộp 479.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Nguyễn Hữu N và chị Phạm Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 479.000 đồng theo biên lai thu số 0011847 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.<sub>(P)</sub>

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Phong**